

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 26-10-2023

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung, tài sản chung, nợ chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Thẩm phán:

1. Bà Trần Thị Thanh Thuý.

2. Bà Trịnh Thị Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Thanh – Thẩm tra viên Tòa
án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên
tòa:** Bà Đặng Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Vào ngày 26 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An
mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2023/TLPT-
HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung,
tài sản chung, nợ chung”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 55/2023/HNGĐ-ST ngày 07-6-
2023 của Toà án nhân dân huyện W bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 41/2023/QĐ-PT ngày 06
tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc A, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp Song Thạnh, xã X, huyện Y, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh B, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số nhà 226/A4, ấp Bình Trị 1, xã Z, huyện W, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Phạm Thị C, sinh năm 1960
(theo văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp tài sản chung).

Địa chỉ: Số 269/6, đường Châu Thị Kim, Phường K, thành phố H, tỉnh
Long An

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Hồng D, sinh năm 1975.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc E, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Số nhà 370, ấp Bình Cách, xã X, huyện Y, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh B.

(Ông A, bà C, ông D, bà E có mặt tại phiên tòa; đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 6 năm 2021, ngày 25 tháng 10 năm 2021, ngày 01 tháng 4 năm 2022 và quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc A trình bày:

Ông thống nhất với Mạnh trích đo địa chính số 201- 2022 đất tranh chấp do Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Trung nghĩa ký ngày 19 tháng 9 năm 2022 và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện W duyệt ngày 22 tháng 9 năm 2022 và kết quả định giá của công ty cổ phần thẩm định giá Việt Tín theo chứng thư số 1155.2022.VT.HS ngày 13 tháng 10 năm 2022.

Ông và bà Nguyễn Thị Thanh B chung sống và đăng ký kết hôn với nhau vào tháng 01 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Tiền Giang chung sống hạnh phúc khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau về tư tưởng, quản lý tiền bạc. Vợ chồng ông không còn chung sống khoảng tháng 6 năm 2020. Ông Nguyễn Quốc A cho rằng không còn hạnh phúc, không thể kéo dài hôn nhân nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh B.

Về con chung: Hôn nhân giữa ông và bà Nguyễn Thị Thanh B có một người con chung có tên là Nguyễn Ngọc Bảo F, sinh ngày 05 tháng 3 năm 2020, hiện con do bà B đang nuôi dưỡng. Ông yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng người con chung có tên nêu trên, ông cấp dưỡng cho bà B nuôi con chung, mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng), thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án giải quyết xong vụ án nhưng tại phiên tòa ông A đồng ý thời gian bắt đầu cấp dưỡng là tháng 12 năm 2020 đến khi người con chung đủ mười tám tuổi.

Về tài sản chung: Khi khởi kiện thì ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng sau đó ông A yêu cầu chia tài sản chung gồm: 30 chỉ vàng 24K; 1,6 chỉ vàng 18K; một đôi bông hột xoàn trị giá 39.000.000đ (ba mươi chín triệu đồng), tổng cộng số tiền là 207.400.000 đồng (hai trăm lẻ bảy triệu bốn trăm nghìn đồng) đến phiên hòa giải ngày 30 tháng 8 năm 2022, ông A đã rút yêu cầu này.

Về nợ chung: Ông A xác định ông và bà B nợ ông Nguyễn Hồng D với số tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), vay khoảng tháng 5 năm 2019, vay tiền để mượn trồng thanh long. Ông yêu cầu mỗi người trả 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Ông giữ nguyên ý kiến của ông về số tiền cấp dưỡng và thời gian cấp dưỡng, về yêu cầu của bà B đối với thửa đất 424, ông xác định nhận chuyển quyền sử dụng đất đối với thửa đất 424 là từ bà Dương Bội Ngọc trước khi kết hôn, ông đã đặt cọc cho bà Nguyễn Thị Thanh là mẹ ruột của bà Dương Bội Ngọc, với số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), có làm biên nhận bằng giấy viết tay hiện ông đang quản lý nên quyền sử dụng đất thửa đất 424 là

tài sản riêng của ông, tiền bán thanh long ông đã chi trả chi phí trồng thanh long. Ông đồng ý trả nợ cho ông D.

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 3 năm 2022 và quá trình xét xử, bà Nguyễn Thị Thanh B là bị đơn trình bày:

Bà thống nhất với Mạnh trích đo địa chính số 201-2022 đất tranh chấp do Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Trung Nghĩa ký ngày 19 tháng 9 năm 2022 và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện W duyệt ngày 22 tháng 9 năm 2022 và kết quả định giá của công ty cổ phần thẩm định giá Việt Tín theo chứng thư số 1155.2022.VT.HS ngày 13 tháng 10 năm 2022.

Bà và ông Nguyễn Quốc A chung sống và đăng ký kết hôn với nhau vào tháng 01 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Tiền Giang chung sống hạnh phúc khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau về tư tưởng, quản lý tiền bạc, ông A có đánh khi bà mang thai. Vợ chồng bà không còn chung sống khoảng tháng 6 năm 2020. Bà đồng ý hôn với ông Nguyễn Quốc A.

Về con chung: Hôn nhân giữa bà và ông Nguyễn Quốc A có một người con chung có tên là Nguyễn Ngọc Bảo F, sinh ngày 05 tháng 3 năm 2020, hiện con do bà đang nuôi dưỡng. Bà thống nhất được quyền trực tiếp nuôi dưỡng người con chung có tên nêu trên, bà yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6 năm 2020 đến khi người con chung đủ mười tám tuổi nhưng tại phiên tòa, bà B đồng ý theo mức cấp dưỡng theo yêu cầu của ông A là cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), yêu cầu thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ tháng 12 năm 2020, cấp dưỡng một lần với số tiền là 205.000.000 đồng (hai trăm lẻ năm triệu đồng).

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Đối với khoản nợ ông Nguyễn Hồng D với số tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), thuê 500 trụ thanh long của bà Lê Thị Kiềm thì bà có ý kiến như sau: Sau khi thuê 500 trụ thanh long thì chỉ bán 3 lần (2 lần không có hợp đồng), bán xong chi trả tiền thuốc phân trồng thanh long và bà không có nhận tiền bán thanh long, hiện nay thanh long ông A đang quản lý, hợp đồng thuê thanh long đến năm 2029 mới hết hạn, bà không yêu cầu chia tiền bán thanh long nên việc ông A nợ tiền của ông D không liên quan đến bà. Hai vợ chồng mới cưới cha mẹ chồng cho 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), bà và ông A bán vàng cưới 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), tổng là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) để thuê 500 trụ thanh long của bà Kiềm. Bà không có nợ tiền vay của ông D, bà không đồng trả tiền cho ông D.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Phạm Thị C trình bày về tài sản chung:

Bà B yêu cầu chia thừa đất số 424, tờ bản đồ số 20, đất tọa lạc tại xã Z, huyện W, tỉnh Long An. Bà B yêu cầu chia đôi thừa đất nêu trên, bà B nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng thừa đất. Giao cho bà B nhận thừa đất số 424 theo Mạnh trích đo địa chính số 201-2022 do Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà

đất Trung Nghĩa ký ngày 19 tháng 9 năm 2022 và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện W duyệt ngày 22 tháng 9 năm 2022, bà B có nghĩa vụ hoàn trả $\frac{1}{2}$ giá thị thừa đất cho ông A. Nguồn gốc thừa đất do nhận chuyển nhượng, nguồn gốc tiền để nhận chuyển nhượng thừa đất nêu trên là tiền riêng của bà B và ông A, do ông A đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất nhận chuyển nhượng của bà Dương Bội Ngọc, với giá chuyển nhượng là 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng) bà B góp tiền khoảng là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), phần tiền nhận chuyển nhượng đất còn lại là của ông A.

Bà B yêu cầu chia hai dây hui do ông Nguyễn Quốc A trực tiếp tham gia, hai dây hui đã mẫn vào năm 2020, tiền hốt hui ông A quản lý, hai chân với số tiền hốt hui là 61.500.000 đồng (sáu mươi một triệu năm trăm nghìn đồng). Bà B yêu cầu chia đôi, mỗi người nhận $\frac{1}{2}$ giá trị. Tiền bán thanh long năm 2019 với số tiền là 61.500.000 đồng (sáu mươi một triệu năm trăm nghìn đồng), tiền ông A quản lý.

Hiện nay, ông A đang quản lý 500 trụ thanh long nên yêu cầu ông A tiếp tục thực hiện hợp đồng thuê trồng thanh long với bà Kiêm nên số tiền bán thanh long bà B không tranh chấp.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bị đơn về yêu cầu chia tài sản chung là thừa đất số 424 theo Mảnh trích đo địa chính số 201-2022, bà B có nghĩa vụ hoàn trả $\frac{1}{2}$ giá thị thừa đất cho ông A. Chấp nhận yêu cầu của bà B đối với tiền hui.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồng D trình bày: Vào tháng 6 năm 2019, ông có cho ông Nguyễn Quốc A và bà Nguyễn Thị Thanh B vay số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) để thuê 500 trụ thanh long. Ông yêu cầu ông Nguyễn Quốc A và bà Nguyễn Thị Thanh B trả cho ông mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số nợ. Việc vay không có làm hợp đồng do ông là cha ruột của ông A. Số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) là tiền chung của vợ chồng ông, vợ ông là bà Nguyễn Thị Ngọc E. Việc bà B cho rằng ông cho số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) là không đúng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc E trình bày: Vào tháng 6 năm 2019, bà và ông D có cho ông Nguyễn Quốc A và bà Nguyễn Thị Thanh B vay số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) để thuê 500 trụ thanh long. Số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) là tài sản chung của vợ chồng bà, bà thống nhất với lời trình bày của ông D.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 55/2023/HNGĐ-ST ngày 07-6-2023 của Toà án nhân dân huyện W đã căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quốc A về việc xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc A được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh B.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh B được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục người con chung có tên là Nguyễn Ngọc Bảo F, sinh ngày 05 tháng 3 năm 2020, hiện nay người con do bà B đang nuôi dưỡng.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc ông Nguyễn Quốc A có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bà Nguyễn Thị Thanh B nuôi con chung, mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12 năm 2020 đến khi người con chung đủ mười tám tuổi.

Ông Nguyễn Quốc A có quyền, nghĩa vụ thăm nom người con chung có tên là Nguyễn Ngọc Bảo F, sinh ngày 05 tháng 3 năm 2020, bà B cùng các thành viên của gia đình không ai được cản trở. Ông A thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp ông A lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông A.

Vì lợi ích của người con chung, khi có căn cứ thì ông A, bà B hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con; khi có lý do chính đáng thì ông A, bà B có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về tài sản:

+ Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị Thanh B đối với số tiền hụi là 61.500.000 đồng (sáu mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).

+ Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh B về việc chia tài sản là thửa đất số 424, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã Z, huyện W, tỉnh Long An, trị giá là 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị Thanh B được chia 40% giá trị thửa đất số 424 với số tiền 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng).

Ông Nguyễn Quốc A được chia 60% giá trị thửa đất số 424 với số tiền 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng).

Ông Nguyễn Quốc A được quyền sử dụng thửa đất số 424, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã Z, huyện W, tỉnh Long An, hiện ông A đang quản lý (kèm theo Mảnh trích đo địa chính số 201-2022 đất tranh chấp do Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Trung Nghĩa ký ngày 19 tháng 9 năm 2022 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện W duyệt ngày 22 tháng 9 năm 2022).

Buộc ông Nguyễn Quốc A có nghĩa vụ hoàn trả bà Nguyễn Thị Thanh B số tiền là 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả các số tiền nêu trên, thì phải trả lãi phát sinh trên số

tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, tại thời điểm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hồng D về việc buộc bà Nguyễn Thị Thanh B trả tiền vay với số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

5. Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Hồng D về việc buộc ông Nguyễn Quốc A trả tiền vay với số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

6. Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Quốc A về việc chia tài sản chung là 30 chỉ vàng 24K; 1,6 chỉ vàng 18K và 01 đôi bông tai hột xoàn trị giá 39.000.000 đồng (ba mươi chín triệu đồng), tổng cộng 207.400.000 đồng (hai trăm lẻ bảy triệu bốn trăm nghìn đồng).

7. Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh B về tiền bán thanh long năm 2019 với số tiền là 61.500.000 đồng (sáu mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).

8. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá: Ông Nguyễn Quốc A phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá với số tiền là 16.620.000 đồng (mười sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng), bà Nguyễn Thị Thanh B phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá với số tiền 11.080.000 đồng (mười một triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Ông Nguyễn Quốc A có nghĩa vụ hoàn trả chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá với số tiền cho bà Nguyễn Thị Thanh B với số tiền 16.620.000 đồng (mười sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

9. Về án phí:

Ông Nguyễn Quốc A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), ông A đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007504 ngày 05 tháng 10 năm 2021 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện W tỉnh Long An được trừ án phí sơ thẩm.

Ông Nguyễn Quốc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 16.500.000 đồng (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng), ông A đã nộp tiền tạm ứng án phí 2.593.000 đồng (hai triệu năm trăm chín mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007780 ngày 04 tháng 4 năm 2022 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện W tỉnh Long An được trừ án phí sơ thẩm, ông A có nghĩa vụ nộp tiếp số tiền 13.907.000 đồng (mười ba triệu chín trăm lẻ bảy nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng), bà B đã nộp tiền tạm ứng án phí 5.444.000 đồng (năm triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007759 ngày 24 tháng 3 năm 2022 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện W tỉnh Long An được trừ án phí sơ thẩm, bà B có nghĩa vụ tiếp tục nộp tiền án phí với số tiền là 5.556.000 đồng (năm triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Ông Nguyễn Hồng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng), ông D đã nộp tiền tạm ứng án

phí 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007599 ngày 12 tháng 11 năm 2021 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện W tỉnh Long An được trừ án phí sơ thẩm.

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 21/6/2023, bà Nguyễn Thị Thanh Thuý kháng cáo bản án sơ thẩm với lý do: Ông Nguyễn Quốc A không có nhu cầu sử dụng thửa 424, tờ bản đồ số 20, diện tích 1000m², tọa lạc tại xã Z nên mới đăng ký trên mạng rao bán thửa đất trên. Bà là một giáo viên, con nhỏ vẫn còn tạm ở chung cha mẹ nên thiết tha được nhận đất để ổn định cuộc sống sau này, diện tích thửa đất này không lớn nên cha mẹ bà chăm sóc canh tác tại thời điểm bà lên lớp. Hiện tại, 1 tuần lễ bà có 2 ngày nghỉ và 3 tháng hè để canh tác.

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho bà được nhận thửa đất nêu trên và bà sẽ hoàn giá trị quyền sử dụng đất phần ông A được chia.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo và các đương sự tranh luận như sau:

- Bà Phạm Thị C đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Thanh Thuý về phần tài sản tranh luận: Phần đất tranh chấp tọa lạc gần nơi bà Thuý cư trú; bà Thuý hiện là người trực tiếp nuôi con chung chưa có chỗ ở; đồng thời ông A đang rao bán phần đất trên là không có nhu cầu sử dụng đất. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao đất cho bà Thuý sử dụng và bà Thuý sẽ hoàn trả lại giá trị theo tỷ lệ mà Tòa án cấp sơ thẩm phân chia cho bên ông A.

- Ông Nguyễn Quốc A tranh luận: Ông dự định sử dụng phần đất thuộc thửa 424 nêu trên để nuôi tôm nhưng không trực tiếp sử dụng mà để cho bạn của ông sử dụng nuôi tôm. Hình ảnh rao bán thửa đất 424 là do facebook của ông bị hack nên ông không xác định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

- Về pháp luật tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh B kháng cáo yêu cầu cho bà B được nhận thửa đất 424 tờ bản đồ số 20, diện tích 1.000m² tọa lạc tại xã Z và bà B sẽ hoàn giá trị quyền sử dụng đất mà ông A được chia. Thửa đất 424 có nguồn gốc do ông A và bà B nhận chuyển nhượng, ông A góp 140.000.000 đồng nên được chia 60% giá trị đất và bà B góp 100.000.000 đồng nên được chia 40% giá trị đất. Bà B làm nghề giáo viên và bà muốn nhận đất để sau này cho con nên bản án sơ thẩm tuyên ông A được quyền sử dụng đất và có nghĩa vụ hoàn cho bà B 220.000.000 đồng giá trị đất mà bà B được hưởng.

Bà B kháng cáo cho rằng bà B là giáo viên, con nhỏ vẫn còn ở tạm chung cha mẹ nên muốn nhận đất để ổn định cuộc sống, diện tích thửa đất không lớn nên cha mẹ bà B chăm sóc tại thời điểm bà B lên lớp và bà B sẽ canh tác 2 ngày nghỉ trong tuần và 3 tháng hè. Đồng thời, bà B cung cấp tin nhắn “ông A cần bán miếng đất 1.000m², đất chính chủ. Ngay chợ Thuận Mỹ, Châu Thành, Long An đi vô. Cách TL 827A 300m.....”. Như vậy, ông A không có nhu cầu sử dụng đất nên mới rao bán thửa đất trên. Mặt khác, thửa đất 424 tại ấp Bình Thạnh 3, xã Z, Châu Thành, Long An nhưng ông A có hộ khẩu thường trú tại ấp Song Thạnh, xã X, huyện Y, tỉnh Tiền Giang. Tại phiên tòa phúc thẩm ông A trình bày phần đất này trước đây vợ chồng trồng cỏ, hiện ông đang làm thuê kho thanh long và dự định hùn với người bạn để nuôi tôm.

Do đó, bà B yêu cầu được quyền sử dụng đất thửa 424 và hoàn lại giá trị đất mà ông A được hưởng là phù hợp Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ngoài ra, bản án tuyên buộc ông Nguyễn Quốc A có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bà Nguyễn Thị Thanh B nuôi con chung, mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12 năm 2020 đến khi người con chung đủ mười tám tuổi. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm chưa tuyên buộc ông A phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm đ khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh B. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Sửa bản án sơ thẩm: Cho bà B được nhận đất và tuyên bổ sung ông A chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị Thanh Thuý kháng cáo trong thời hạn luật định là hợp lệ, đúng thủ tục tố tụng nên được chấp nhận xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Bị đơn có nơi cư trú tại xã Z, huyện W, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện W, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Theo Trích lục kết hôn số 210/TLKH-BS ngày 18/01/20195 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Tiền Giang thì ông Nguyễn Quốc A và bà Nguyễn Thị Thanh Thuý là vợ chồng hợp pháp; có thời kỳ hôn nhân từ tháng 01 năm 2019 đến ngày quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự có mặt thống nhất không có kháng cáo về phần hôn nhân, con chung, cấp dưỡng, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm đối với các vấn đề nêu trên.

[2.3] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 706406 ngày 26/02/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Quốc A đứng tên đối với thửa đất số 424, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.000m², tọa lạc tại ấp Bình Thạnh 3, xã Z, huyện W, tỉnh Long An. Theo Mảnh trích đo địa chính số 201-2022 đất tranh chấp do Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Trung nghĩa đo vẽ ngày 19/9/2022, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện W duyệt ngày 22/9/2022, thửa đất trên có diện tích 1.133m²; đồng thời theo Chứng thư thẩm định giá số 1155.2022.VT.HS ngày 13/10/2022 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Việt Tín thì phần đất trên có giá 550.000.000 đồng.

Tại phiên toà phúc thẩm, ông A và bà Thuý đều thống nhất với kết quả đo đạc và định giá nêu trên, mặc dù Chứng thư thẩm định giá số 1155.2022.VT.HS đã được thực hiện quá 06 tháng; đồng thời không có yêu cầu đo đạc, định giá lại nên Hội đồng xét xử dựa trên kết quả đo đạc và định giá nêu trên làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2.4] Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06/4/2022 của Toà án cấp sơ thẩm thể hiện ông A và bà Thuý cùng quản lý, sử dụng thửa đất 424 nêu trên và ông A cũng thừa nhận tại phiên toà rằng khi vợ chồng còn thuận thảo thì cả hai cùng quản lý, sử dụng đất. Ông A thừa nhận hiện tại ông không trực tiếp sử dụng phần đất mà dự định sau này để lại cho bạn ông sử dụng nuôi tôm. Bên cạnh đó, mặc dù ông A không thừa nhận có đăng tin trên mạng xã hội để kêu chuyển nhượng đi phần đất thuộc thửa 424 nhưng dựa vào hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số trùng khớp với phần đất tranh chấp; ảnh đại diện cũng tương đồng với hình ảnh của ông A nên có cơ sở xác định ông A đã rao bán phần đất trên. Do đó, chứng tỏ ông A không có nhu cầu sử dụng phần đất, trong khi bà Thuý có nhu cầu sử dụng để ổn định cuộc sống và trực tiếp nuôi con chung. Hơn nữa, pháp luật đất đai cũng không cấm người làm nghề giáo viên không được quyền sử dụng đất nông nghiệp. Vì vậy, cần giao thửa đất nêu trên cho bà Thuý và buộc bà Thuý hoàn lại bằng tiền cho ông A theo tỷ lệ phân chia của Toà án cấp sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với thực tế khách quan; vẫn đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự.

[2.5] Toà án cấp sơ thẩm buộc ông A cấp dưỡng nuôi con nhưng không buộc ông A chịu án phí là thiếu sót.

Từ đó thấy rằng, kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh Thuý là có cơ sở chấp nhận; lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tại phiên toà là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Thuý không phải chịu theo Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Các khoản khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị sẽ có hiệu lực sau khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 293, 296 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh Thuý.

Sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 55/2023/HNGĐ-ST ngày 07-6-2023 của Toà án nhân dân huyện W, tỉnh Long An.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 148, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quốc A về việc xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh B.

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc A được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh B.

[1.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh B được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục người con chung có tên là Nguyễn Ngọc Bảo F, sinh ngày 05 tháng 3 năm 2020, hiện nay người con do bà B đang nuôi dưỡng.

[1.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc ông Nguyễn Quốc A có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bà Nguyễn Thị Thanh B nuôi con chung, mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12 năm 2020 đến khi người con chung đủ mười tám tuổi.

Ông Nguyễn Quốc A có quyền, nghĩa vụ thăm nom người con chung có tên là Nguyễn Ngọc Bảo F, sinh ngày 05 tháng 3 năm 2020, bà B cùng các thành viên của gia đình không ai được cản trở. Ông A thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp ông A lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông A.

Vì lợi ích của người con chung, khi có căn cứ thì ông A, bà B hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con; khi có lý do chính đáng thì ông A, bà B có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[1.4] Về tài sản chung:

- Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị Thanh B đối với số tiền hụi là 61.500.000 đồng (sáu mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).

- Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh B về việc chia tài sản là thửa đất số 424, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã Z, huyện W, tỉnh Long An, trị giá là 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng).

+ Bà Nguyễn Thị Thanh B được chia 40% giá trị thửa đất số 424 với số tiền

220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng).

+ Ông Nguyễn Quốc A được chia 60% giá trị thửa đất số 424 với số tiền 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị Thanh B được quyền sử dụng theo quy định của pháp luật đất đai đối với thửa đất số 424, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã Z, huyện W, tỉnh Long An, hiện ông A đang quản lý (kèm theo Mệnh trích đo địa chính số 201-2022 đất tranh chấp do Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Trung Nghĩa ký ngày 19 tháng 9 năm 2022 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện W duyệt ngày 22 tháng 9 năm 2022).

Người được thi hành án và người phải thi hành án có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

Trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh B có nghĩa vụ hoàn trả ông Nguyễn Quốc A số tiền là 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả các số tiền nêu trên, thì phải trả lãi phát sinh trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, tại thời điểm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[2] Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hồng D về việc buộc bà Nguyễn Thị Thanh B trả tiền vay với số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

[3] Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Hồng D về việc buộc ông Nguyễn Quốc A trả tiền vay với số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

[4] Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Quốc A về việc chia tài sản chung là 30 chỉ vàng 24K; 1,6 chỉ vàng 18K và 01 đôi bông tai hột xoàn trị giá 39.000.000 đồng (ba mươi chín triệu đồng), tổng cộng 207.400.000 đồng (hai trăm lẻ bảy triệu bốn trăm nghìn đồng).

[5] Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh B về tiền bán thanh long năm 2019 với số tiền là 61.500.000 đồng (sáu mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá:

[6.1] Ông Nguyễn Quốc A phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá với số tiền là 16.620.000 đồng (mười sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) để hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh B.

[6.2] Bà Nguyễn Thị Thanh B phải chịu phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá với số tiền 11.080.000 đồng (mười một triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) (đã nộp xong).

[7] Về án phí:

[7.1] Buộc ông Nguyễn Quốc A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, ông A đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007504 ngày 05 tháng 10 năm 2021 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện W tỉnh Long An được trừ án phí sơ thẩm. Ông A nộp tiếp 300.000 đồng.

[7.2] Buộc ông Nguyễn Quốc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 16.500.000 đồng (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng), ông A đã nộp tiền tạm ứng án phí 2.593.000 đồng (hai triệu năm trăm chín mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007780 ngày 04 tháng 4 năm 2022 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện W tỉnh Long An được trừ án phí sơ thẩm, ông A có nghĩa vụ nộp tiếp số tiền 13.907.000 đồng (mười ba triệu chín trăm lẻ bảy nghìn đồng).

[7.3] Buộc bà Nguyễn Thị Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng), bà B đã nộp tiền tạm ứng án phí 5.444.000 đồng (năm triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007759 ngày 24 tháng 3 năm 2022 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện W tỉnh Long An được trừ án phí sơ thẩm, bà B có nghĩa vụ tiếp tục nộp tiền án phí với số tiền là 5.556.000 đồng (năm triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

[7.4] Buộc ông Nguyễn Hồng Điệp phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng), ông D đã nộp tiền tạm ứng án phí 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007599 ngày 12 tháng 11 năm 2021 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện W tỉnh Long An được trừ án phí sơ thẩm.

[8] Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh Thuý không phải chịu.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thanh Thuý số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003443 ngày 26/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện W.

[9] Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND cấp huyện;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh